

Vietnam Daily Review

Phiên đáo hạn HĐTL đầy biến động

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/9/2020		•	
Tuần 14/9-18/9/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex có những diễn biến giằng co quanh mốc tham chiếu trong phiên sáng nhưng đã giảm đột ngột vào đầu giờ chiều và dờn về ngưỡng hỗ trợ 890 điểm. Tuy nhiên, lực cầu đã xuất hiện trở lại ngay sau đó giúp chỉ số hồi phục dần nhưng áp lực bán trong phiên ATC vẫn khiến VNIndex mất 0.38% so với hôm qua. Dòng tiền đầu tư có sự suy giảm khi chỉ còn 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục có trạng thái bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường có sự gia tăng so với phiên hôm trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực phần nào là do ảnh hưởng từ hoạt động đóng vị thế của khối tự doanh trong phiên hôm nay. Theo nhận định của chúng tôi, VNIndex nhiều khả năng sẽ vẫn chưa có thêm sự bứt phá vào ngày giao dịch cuối cùng của tuần này.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2012, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_1.5%

Phân tích kỹ thuật: PTB_Đà tăng tiếp tục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-3.43** điểm, đóng cửa **894.04**. HNX-Index **+0.6** điểm, đóng cửa **128.47**.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.67)**; **VNM (+0.15)**; **GVR (+0.11)**; **CTG (+0.11)**; **REE (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.41)**; **VHM (-0.46)**; **VCB (-0.42)**; **VRE (-0.38)**; **MSN (-0.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,882 tỷ đồng**, **+33.71%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.48 điểm. Thị trường có **158** mã tăng, 66 mã tham chiếu và **236** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-110.89** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-56.6 tỷ)**, **BID (-46.7 tỷ)** và **VNM (-24.4 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-22.79** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

894.04

Giá trị: 5882.2 tỷ

-3.43 (-0.38%)

Khối ngoại (ròng): -110.89 tỷ

HNX-INDEX

128.47

Giá trị: 521.33 tỷ

0.6 (0.47%)

Khối ngoại (ròng): -22.79 tỷ

UPCOM-INDEX

59.87

Giá trị: 0.4 tỷ

0.11 (0.18%)

Khối ngoại (ròng): -5 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	39.9	-0.75%
Giá vàng	1,944	-0.77%
Tỷ giá USD/VND	23,179	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,312	-0.50%
Tỷ giá JPY/VND	22,137	0.27%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	39.27%
LS TPCP 5 năm	1.5%	-1.22%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	48.8	VHM	56.6
E1VFN30	30.7	BID	46.7
SSI	25.5	VNM	24.4
VCB	24.0	NBB	19.6
NT2	11.8	VRE	14.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_1.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	23/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Vật liệu Xây dựng	1.5%	3.8%	4.0%	16.6%	16.6%	13.9%	29.7%
Xây dựng	1.4%	4.4%	6.2%	21.2%	21.2%	12.0%	31.8%
Lãi suất giảm	1.0%	2.4%	8.5%	21.6%	21.6%	17.8%	33.7%
Đầu tư công	0.6%	3.6%	6.3%	22.4%	22.4%	15.4%	28.6%
Chiến tranh thương mại	0.4%	0.1%	4.2%	19.6%	19.6%	3.4%	32.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	1.7%	4.0%	13.3%	13.3%	6.4%	31.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	1.3%	1.2%	11.1%	11.1%	-2.6%	29.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	1.3%	2.2%	12.9%	12.9%	0.3%	28.7%
Cổ phiếu ngành Dược	0.1%	0.9%	3.3%	16.2%	16.2%	6.5%	22.7%
Ngân Hàng	0.1%	1.1%	0.5%	14.0%	14.0%	4.1%	34.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	0.6%	4.4%	15.3%	15.3%	17.9%	22.4%
Hàng tiêu dùng	0.0%	0.7%	2.7%	14.1%	14.1%	4.7%	30.7%
Corona Avengers	-0.1%	2.1%	4.6%	13.6%	13.6%	9.5%	36.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.1%	0.9%	1.9%	13.9%	13.9%	-3.7%	31.3%
Stay-at-home	-0.2%	0.5%	3.9%	17.7%	17.7%	23.1%	35.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.2%	1.3%	0.9%	11.2%	11.2%	-10.7%	33.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.2%	-0.3%	4.0%	19.8%	19.8%	20.7%	31.5%
Nước & Năng lượng	-0.2%	0.7%	3.2%	16.0%	16.0%	4.4%	27.3%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.3%	0.3%	0.9%	15.2%	15.2%	1.9%	26.0%
FTSE Việt Nam	-0.3%	1.2%	2.3%	7.6%	7.6%	-4.0%	26.4%
VN FinSelect	-0.3%	0.3%	0.5%	7.1%	7.1%	-4.5%	31.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.3%	0.3%	0.3%	7.3%	7.3%	-4.5%	32.9%
VN Diamond	-0.3%	0.5%	0.5%	10.2%	10.2%	-9.4%	32.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	0.8%	1.8%	7.9%	7.9%	-6.6%	26.3%
Dầu khí	-1.4%	3.4%	2.3%	10.6%	10.6%	-15.4%	41.0%

Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S21	0.8%	2.1%	4.9%	16.6%	16.6%	0.8%	29.3%
S11	0.6%	1.5%	3.8%	14.7%	14.7%	13.8%	27.3%
L22	0.4%	1.6%	3.3%	14.3%	14.3%	-3.0%	29.4%
L32	0.2%	1.7%	2.9%	11.3%	11.3%	-10.1%	32.3%
M31	0.0%	0.4%	0.8%	13.3%	13.3%	-1.7%	32.3%
S32	-0.1%	1.9%	2.9%	12.3%	12.3%	-9.0%	35.4%
M22	-0.1%	1.4%	1.2%	10.8%	10.8%	4.9%	27.4%
L11	-0.4%	0.9%	1.8%	11.8%	11.8%	-0.8%	26.0%
M12	-0.5%	0.9%	1.3%	9.8%	9.8%	-2.1%	27.0%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.2%	1.5%	4.0%	17.4%	17.4%	13.3%	27.0%
LOW1	0.0%	0.9%	1.7%	8.1%	8.1%	-3.0%	27.1%
HIGH3	-0.3%	1.8%	2.8%	12.1%	12.1%	-2.7%	30.1%

INDEX							
VNINDEX	-0.4%	0.6%	1.4%	8.4%	8.4%	-7.0%	25.8%
VN30INDEX	-0.3%	0.8%	1.0%	8.0%	8.0%	-5.4%	27.1%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	23	2	18	7	18	7
Mục tiêu	9	8	1	8	1	6	3
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.76	1.25%	1.90%	-8.40%	-27.65%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.93	0.99%	0.30%	-10.90%	-28.92%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	114.08	0.24%	1.90%	-4.00%	-26.19%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1958.27	0.21%	0.60%	-1.40%	32.99%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.25	0.43%	1.00%	-0.80%	60.35%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	989.50	-0.20%	1.10%	10.10%	3.86%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	536.00	-0.42%	-1.40%	5.20%	3.28%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.58	-0.48%	0.50%	7.00%	7.77%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	174.95	0.71%	5.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.71	1.68%	0.20%	-6.60%	-4.51%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	121.80	-1.02%	-7.80%	3.10%	4.01%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6761.50	-0.51%	1.40%	8.10%	16.16%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	531.90	-0.89%	-1.70%	-1.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1789.50	-0.61%	-0.10%	1.50%	-0.14%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	121.38	-1.87%	-1.40%	0.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.10	0.56%	6.50%	3.00%	-30.10%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 1.69 USD (4.2%) lên 42.22 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 1.88 USD (4.9%) đạt 40.16 USD/thùng. Tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm 4.4 triệu thùng trong tuần vừa qua, xuống 496 triệu thùng, mức thấp nhất kể từ tháng 4, theo Cơ quan Thông tin năng lượng Mỹ. Tồn trữ xăng cũng giảm 400,000 thùng.

Giá vàng

• Vàng giao ngay tăng 0.3% lên 1,960 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 tăng 0.2% lên 1,970.50 USD/ounce.

• Giá vàng tăng trong phiên vừa qua bởi dự báo Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ tái khẳng định lập trường chính sách tiền tệ ôn hòa đề hỗ trợ nền kinh tế hồi phục sau dịch Covid-19. Các nhà đầu tư kỳ vọng Fed sẽ duy trì lãi suất thấp trong một thời gian dài, và tiếp tục mục tiêu lạm phát 2%. Cuộc họp này là cuộc họp chính sách đầu tiên của Fed kể từ sau khi họ công bố lập trường tập trung mũi nhọn vào lạm phát.

Giá sắt thép

• Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên giảm 5.1% xuống 796.5 CNY/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Singapore giảm 3.8% xuống 119.15 USD/tấn. Việc nhập khẩu mạnh từ Australia và Brazil đã khiến lượng quặng lưu trữ tại các cảng biển Trung Quốc tuần qua tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 4/2020, theo số liệu của SteelHome.

• Bộ trưởng Bộ Địa chất và khai thác khoáng sản Brazil khẳng định họ không lo ngại việc sẽ không đáp ứng đủ nhu cầu quặng sắt của Trung Quốc. Nước này đã xuất khẩu 76 triệu tấn quặng sắt trong thời gian đó, cao hơn 8% so với xuất khẩu trong quý 1/2020; trị giá xuất khẩu đạt tổng trị giá 5 tỷ USD trong quý 2/2020, cao hơn 6% so với quý 1/2020.

Giá cao su

• Hợp đồng cao su giao tháng 2/2021 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) tăng 1.4 JPY (0.8%) lên 184.6 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 0.8% lên 12,475 CNY/tấn

• Giá cao su kỳ hạn tại Nhật Bản đã tăng phiên thứ 3 liên tiếp, theo xu hướng tăng ở sàn Thượng Hải, sau khi sản lượng công nghiệp và bán lẻ của Trung Quốc đều tăng nhanh.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 1.95 US cent (1.6%) xuống 1.1985 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 tăng 1 USD lên 1,392 USD/tấn.

• Đường thô kỳ hạn tháng 10 tăng 0.27 US cent (2.2%) lên 12.35 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12 tăng 4.7 USD (1.3%) lên 358 USD/tấn.

• Ngân hàng Citi dự báo "Giá đường thô sẽ duy trì ở mức vừa phải trong 6 tháng cuối năm 2020, khoảng 12.25 US cent/lb. Sang năm 2021, giá sẽ ở mức 14 US cent vì giá dầu tiếp tục tăng".

	17/9	% 17/9	16/9	% 16/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	894.04	-0.38%	897.47	0.14%	0.59%	5.16%
S&P 500			3385.49	-0.46%	-0.40%	0.37%
HĐTL S&P500	3341.50	-1.12%	3379.50	-0.46%	0.35%	-0.82%
Shang- hai	3270.44	-0.41%	3283.92	-0.36%	1.10%	-5.23%
Euro Stoxx	3301.74	-1.11%	3338.84	0.20%	-0.33%	0.37%

Phân tích kỹ thuật

PTB_Đà tăng tiếp tục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: trung lập, chạm kênh Bollinger trên.

Nhận định: PTB đang nằm trong xu hướng tăng giá kể từ vùng đáy 44.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD cũng đều ủng hộ nhịp tăng giá này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế ở ngưỡng giá 53.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 60.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 48.0. Nếu cổ phiếu vượt ngưỡng 60.0 với thanh khoản lớn, có thể tăng đến ngưỡng 65.0



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

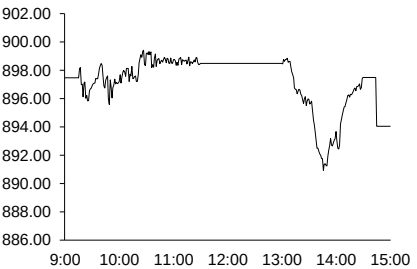
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	-1.50%
Bất động sản	-0.99%
Công nghệ Thông tin	-0.92%
Du lịch và Giải trí	-0.79%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.64%
Truyền thông	-0.58%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.51%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.35%
Bán lẻ	-0.32%
Ngân hàng	-0.18%
Dịch vụ tài chính	-0.07%
Thực phẩm và đồ uống	0.04%
Ô tô và phụ tùng	0.20%
Xây dựng và Vật liệu	0.25%
Hóa chất	0.37%
Y tế	0.40%
Bảo hiểm	0.69%
Tài nguyên Cơ bản	1.81%
Viễn thông	3.70%

Hình 1

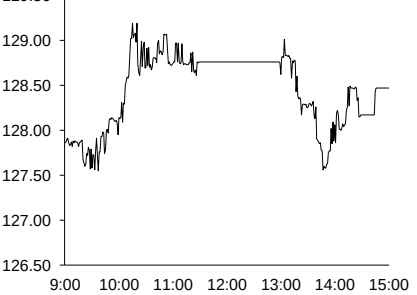
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	12.8	1	-0.78%	Có thể tiếp tục mua
9/15/2020	STB	11.6	13	11	11.45	2	-1.29%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29.4	3	5.19%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.7	6	2.49%	Có thể tiếp tục mua
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.5	7	-1.26%	Có thể tiếp tục mua
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	19.05	8	2.14%	Có thể tiếp tục mua
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.5	9	3.17%	Có thể tiếp tục mua
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	7.1	10	5.97%	Có thể tiếp tục mua
9/4/2020	VCS	67	76	60	66.5	13	-0.75%	Có thể tiếp tục mua
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.2	14	4.76%	Có thể tiếp tục mua
8/31/2020	VJC	103	112	100	105.9	17	2.82%	Có thể tiếp tục mua
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	22.85	20	-3.18%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.2	21	3.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	94.2	23	7.53%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	12.75	27	7.59%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	14.4	28	7.46%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	104	31	5.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.5	37	9.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44.9	38	1.13%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	8.79	42	18.94%	Có thể tiếp tục mua
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	73.2	45	8.52%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.6	78	-1.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	34.5	85	12.41%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	25.4	91	15.82%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.7	93	2.40%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

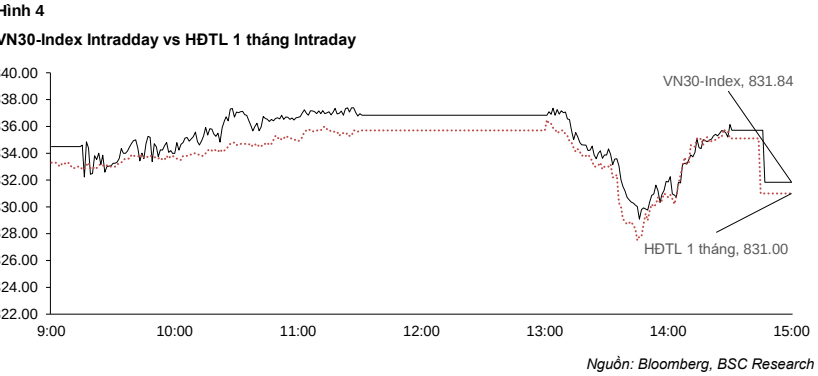
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	TP	9	6.44%
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	TP	22	6.74%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%

Chú thích:
 Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	19	6	6.69%	-1.47%	4.73%	30
Cổ phiếu đã chốt	26	21	10.67%	-9.52%	1.65%	22

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	831.00	-0.43%	-0.84	24.9%	70,142	9/17/2020	0
VN30F2010	832.10	-0.28%	0.26	283.3%	32,375	10/15/2020	28
VN30F2012	829.00	0.04%	-2.84	331.7%	436	12/17/2020	91
VN30F2103	824.80	-0.39%	-7.04	532.5%	253	3/18/2021	182

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -2.66 điểm, xuống mức 831.84 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VHM, VCB, VRE, MSN tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tăng tích cực trong phiên sáng, sau đó giằng co quanh 830-835 điểm trong phiên chiều. VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh 825-840 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2012, các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2008	11/30/2020	74	1:1	552,090	38.26%	4,100	4,290	13.19%	889	4.83	32,100	28,000	25,400
CHPG2009	10/29/2020	42	2:1	169,110	38.26%	1,600	4,350	10.41%	1,646	2.64	25,700	22,500	25,400
CHPG2002	12/16/2020	90	2:1	297,330	38.26%	1,700	1,800	9.76%	305	5.91	33,399	29,999	25,400
CHPG2013	12/1/2020	75	1:1	140,030	38.26%	6,900	7,570	9.39%	2,638	2.87	30,900	24,000	25,400
CHPG2016	1/14/2021	119	2:1	118,930	38.26%	2,200	2,800	8.95%	770	3.64	31,900	27,500	25,400
CHPG2017	2/18/2021	154	4:1	391,240	38.26%	1,000	650	8.33%	362	1.80	32,888	28,888	25,400
CHPG2015	3/1/2021	165	1:1	97,370	38.26%	6,700	6,550	6.68%	2,367	2.77	33,200	26,500	25,400
CHPG2010	4/5/2021	200	4:1	683,320	38.26%	1,800	1,200	2.56%	224	5.35	40,300	33,100	25,400
CHPG2005	10/1/2020	14	1:1	67,180	38.26%	2,100	11,510	2.22%	6,435	1.79	21,100	19,000	25,400
CVNM2005	10/29/2020	42	10:1	200,070	33.38%	1,500	2,490	1.22%	2,228	1.12	118,000	103,000	124,500
CTCB2006	10/29/2020	42	2:1	258,620	38.71%	1,200	1,900	1.06%	1,754	1.08	20,400	18,000	21,300
CVNM2009	11/20/2020	64	10:1	155,790	33.38%	1,810	2,250	0.45%	2,004	1.12	125,100	107,000	124,500
CMWG2009	10/23/2020	36	8:1	312,090	41.79%	1,600	1,730	-0.57%	1,673	1.03	94,800	82,000	94,200
CVHM2002	11/30/2020	74	1:1	61,280	38.44%	11,500	5,960	-1.81%	5,496	1.08	88,500	77,000	76,700
CVHM2005	1/14/2021	119	10:1	294,260	38.44%	1,400	890	-2.20%	622	1.43	93,000	79,000	76,700
CPNJ2007	11/20/2020	64	5:1	145,530	39.41%	1,670	2,040	-3.77%	1,677	1.22	61,350	53,000	59,800
CSTB2008	11/20/2020	64	1:1	235,440	43.46%	1,500	1,920	-5.42%	1,623	1.18	11,700	10,200	11,450
CVRE2008	1/14/2021	119	4:1	193,850	45.19%	1,200	1,220	-6.87%	1,080	1.13	30,800	26,000	28,300
CVRE2007	4/5/2021	200	5:1	442,760	45.19%	1,520	620	-8.82%	456	1.36	40,933	33,333	28,300
CMWG2008	10/29/2020	42	4.27:1	464,010	41.79%	1,300	1,000	-18.70%	1,128	0.89	98,000	85,000	94,200
Tổng				4,816,290	39.04%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CHPG2008 và CREE2005 tăng mạnh lần lượt là 13.19% và 11.59%. Trái lại, CMWG2008 và CMSN2007 giảm mạnh lần lượt là -18.70% và -12.50%. Giá trị giao dịch tăng 62.32%. CHPG2008 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.49% thị trường.
- CMWG2008, CREE2004, CVPB2006, CVRE2005, và CHDB2005 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2009, và CDPM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CVNM2004, và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	94.2	-0.4%	1.2	1,854	2.4	8,348	11.3	3.0	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	59.8	-1.5%	1.3	585	1.0	4,629	12.9	2.9	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	48.4	0.5%	1.4	1,562	1.1	1,625	29.8	1.8	28.3%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	30.3	0.0%	0.3	294	0.0	2,651	11.4	1.0	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	94.0	-1.6%	0.8	13,824	3.4	2,336	40.2	3.8	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	28.3	-2.1%	1.1	2,796	3.2	1,057	26.8	2.3	30.6%	8.9%	
VHM	Bất động sản	76.7	-0.6%	1.3	10,970	6.0	6,686	11.5	3.7	22.5%	36.5%	
DXG	Bất động sản	10.4	1.5%	1.4	233	3.1	658	15.7	0.8	35.5%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	16.0	0.6%	1.3	418	4.2	1,718	9.3	1.0	48.3%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	28.4	-0.9%	1.0	204	0.9	4,110	6.9	1.3	28.5%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	20.3	0.2%	1.7	269	2.2	1,608	12.6	1.4	48.8%	11.5%	
FPT	Công nghệ	50.0	-1.0%	0.8	1,704	3.4	4,280	11.7	2.6	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	49.0	0.8%	0.4	583	0.0	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	71.7	-0.4%	1.4	5,967	1.2	5,169	13.9	2.6	3.3%	20.5%	
PLX	Dầu khí	50.0	-1.6%	1.5	2,621	0.5	867	57.7	3.0	15.8%	5.1%	
PVS	Dầu khí	12.8	-0.8%	1.5	266	2.4	1,339	9.6	0.5	10.3%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.8	0.0%	0.8	917	0.3	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	106.0	1.5%	0.5	603	0.2	5,044	21.0	4.3	54.7%	21.2%	
DPM	Hóa chất	16.9	-0.3%	0.4	287	1.7	1,700	9.9	0.8	11.2%	8.9%	
DCM	Hóa chất	10.1	-0.5%	0.5	231	1.2	709	14.2	0.8	1.8%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	82.5	-0.5%	1.1	13,304	3.7	4,915	16.8	3.4	23.5%	22.0%	
BID	Ngân hàng	40.5	-0.1%	1.3	7,082	2.7	2,132	19.0	2.1	17.6%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	25.3	0.4%	1.2	4,096	4.4	2,995	8.4	1.2	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	22.9	-0.7%	1.2	2,422	3.5	4,126	5.5	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	18.1	0.0%	1.0	1,898	5.9	3,497	5.2	1.0	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	21.5	1.4%	0.9	2,021	11.5	2,884	7.5	1.5	30.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	58.6	-0.8%	0.9	209	0.3	5,781	10.1	2.0	82.8%	19.5%	
NTP	Nhựa	33.2	0.6%	0.4	170	0.0	3,348	9.9	1.5	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	16.3	1.2%	0.3	701	0.1	356	45.8	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	25.4	2.8%	1.1	3,659	29.4	2,632	9.7	1.6	34.9%	18.1%	
HSG	Thép	13.5	-2.5%	1.5	260	10.1	1,767	7.6	1.0	9.2%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	124.5	0.2%	0.8	9,426	7.5	5,538	22.5	7.2	58.5%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	188.2	0.0%	0.8	5,247	0.8	6,328	29.7	6.5	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	54.0	-1.6%	1.0	2,758	2.9	3,255	16.6	2.7	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	14.3	1.4%	0.8	364	2.6	561	25.4	1.2	5.6%	5.1%	
ACV	Vận tải	62.4	-0.3%	0.8	5,906	0.6	3,450	18.1	3.7	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	105.9	-0.9%	1.1	2,412	2.6	3,480	30.4	3.7	17.7%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.8	-0.4%	1.7	1,653	0.7	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	23.5	0.4%	0.9	303	0.6	1,381	17.0	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	12.4	-1.2%	1.2	152	1.3	2,076	6.0	0.8	20.5%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	66.5	-0.9%	1.0	449	1.1	8,104	8.2	3.1	3.1%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	22.9	-0.2%	0.8	445	0.3	1,363	16.8	1.5	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.0%	1.0	259	0.7	1,937	8.1	1.1	6.1%	13.5%	
CTD	Xây dựng	73.2	0.4%	1.1	243	1.4	8,453	8.7	0.7	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.7	1.1%	0.3	194	1.8	1,562	11.9	0.9	35.5%	7.6%	
REE	Điện	39.9	2.3%	-1.4	538	1.4	4,780	8.3	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	20.9	1.0%	-0.4	145	0.6	2,176	9.6	0.9	16.1%	9.9%	
POW	Điện	10.0	-1.5%	0.6	1,018	1.2	933	10.7	0.8	11.1%	8.1%	
NT2	Điện	23.9	0.2%	0.6	299	0.4	2,685	8.9	1.5	18.8%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	13.7	0.0%	0.8	279	0.8	1,156	11.8	0.7	20.2%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	41.8	-1%	1.0	1,881	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.9	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	25.40	2.83	0.65	26.76MLN
VNM	124.50	0.24	0.15	1.38MLN
GVR	12.75	0.79	0.11	1.21MLN
CTG	25.30	0.40	0.11	4.00MLN
KDC	36.65	3.24	0.08	1.50MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.43	833870	1.11MLN
VHM	0.00	-0.47	1.81MLN	607060
VCB	0.00	-0.42	1.04MLN	373600
VRE	0.00	-0.39	2.61MLN	192700
MSN	0.00	-0.30	1.24MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LSS	5.85	6.95	0.01	638470.00
BCG	7.89	6.91	0.02	2.80MLN
SFG	6.82	6.90	0.01	172600
HOT	44.50	6.84	0.01	10
TRC	34.50	6.81	0.02	5540

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OGC	6.18	-6.93	-0.04	3.01MLN
THI	35.85	-6.88	-0.04	30
DTL	8.59	-6.83	-0.01	40.00
DTT	10.30	-6.79	0.00	10
KPF	13.90	-6.71	-0.01	1070

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

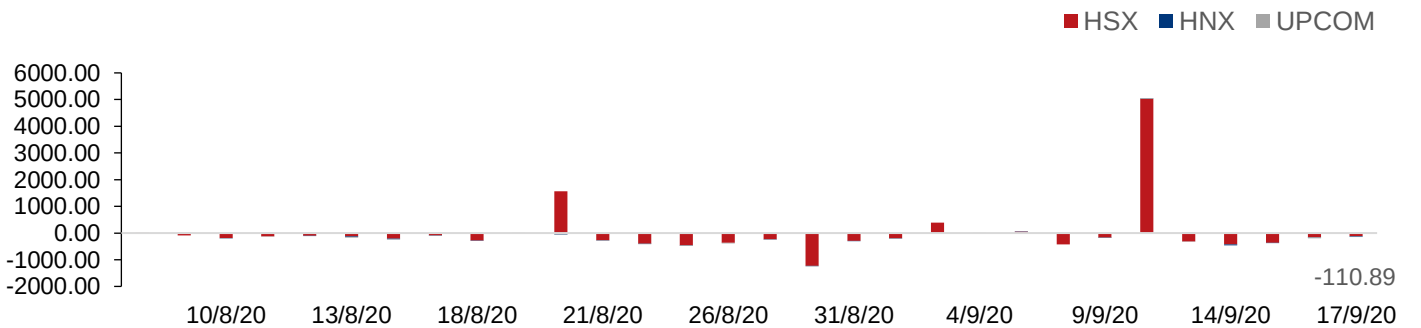
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.50	1.42	0.64	12.32MLN
SHB	14.40	0.70	0.15	3.23MLN
VCG	36.40	1.11	0.03	189100
TIG	7.10	4.41	0.02	1.91MLN
BCC	8.10	5.19	0.01	1.21MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	9.00	-10.00	-0.09	5200
VIX	12.60	-3.08	-0.05	1.50MLN
NVB	8.60	-1.15	-0.04	2.61MLN
PVS	12.80	-0.78	-0.03	4.31MLN
VCS	66.50	-0.89	-0.02	382400

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.90	12.5	0.01	691600
QNC	7.70	10.0	0.01	131200
QTC	19.80	10.0	0.00	100
NBW	21.10	9.9	0.00	100
ADC	17.00	9.7	0.00	10300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L43	2.70	-10.00	0.00	13100
OCH	9.00	-10.00	-0.09	5200
MDC	8.40	-9.68	-0.01	16000
VSM	10.30	-9.65	0.00	1000
SD4	4.70	-9.62	0.00	6400

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	94.2	8,348	11.3	3.0	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.7	885	9.8	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.3	5,512	7.5	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.1	1,948	12.4	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	25.4	2,632	9.7	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.2	3,314	8.5	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	22.9	4,126	5.5	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	46.4	9,998	4.6	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.0	3,255	16.6	2.7	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	40.3	4,670	8.6	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	13.5	1,767	7.6	1.0	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.9	5,479	8.2	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.3	2,103	13.0	2.3	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	25.4	2,632	9.7	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.3	3,103	6.9	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	59.8	4,629	12.9	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	104.0	4,105	25.3	8.9	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.4	658	15.7	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	23.1	1,721	13.4	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.7	7,583	3.3	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	26.6	5,224	5.1	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	52.9	4,739	11.2	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	82.5	4,915	16.8	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.5	2,884	7.5	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	41.3	5,512	7.5	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.0	5,872	9.9	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.0	4,280	11.7	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.5	1,381	17.0	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.7	1,156	11.8	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	188.2	6,328	29.7	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.1	1,948	12.4	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	124.5	5,538	22.5	7.2	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	94.2	8,348	11.3	3.0	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.6	2,088	9.4	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	106.0	5,044	21.0	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	12.4	2,076	6.0	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	59.8	4,629	12.9	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.3	4,313	8.0	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	206.0	14,782	13.9	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepvh@bsc.com.vn